

Số: 37 /2024/QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày 01 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định Giấy tờ khác về quyền sử dụng đất có trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 137 Luật Đất đai năm 2024 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2024 (Luật số 31/2024/QH15); Luật số 43/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 23/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 216/TTr-TNMT ngày 04/9/2024; Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 251/BC-STP ngày 30/8/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Chương I

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh:

Quyết định này quy định những giấy tờ khác về quyền sử dụng đất có trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 137 Luật Đất đai năm 2024.

Điều 2. Đối tượng áp dụng:

1. Cơ quan nhà nước thực hiện quyền hạn và trách nhiệm đại diện chủ sở hữu toàn dân về đất đai, thực hiện nhiệm vụ thống nhất quản lý nhà nước về đất đai.
2. Người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ổn định mà có một trong các giấy tờ theo quy định này.
3. Các đối tượng khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất đai.

Điều 3. Giấy tờ khác về quyền sử dụng đất có trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 137 Luật Đất đai năm 2024 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh được quy định gồm một trong các loại giấy tờ sau đây:

1. Biên bản bàn giao đất xây dựng do phòng ban chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức bàn giao đất (*thành phần ký Biên bản gồm đại diện: Phòng ban chuyên môn của UBND cấp huyện; UBND cấp xã; người nhận đất xây dựng; Biên bản có nội dung căn cứ vào Giấy phép cấp đất hoặc Giấy tờ cấp đất, giao đất*);
2. Quyết định bán nhà của Ủy ban nhân dân cấp huyện (*Tại quyết định thể hiện nội dung người mua có trách nhiệm nộp tiền vào ngân sách nhà nước theo giá bán đã nêu trong quyết định*), kèm theo giấy tờ chứng minh việc hoàn thành nghĩa vụ tài chính.
3. Biên bản bàn giao đất sử dụng tạm thời (*thành phần ký Biên bản gồm: UBND cấp xã, người trả đất, người nhận đất; Biên bản có nội dung căn cứ vào thoả thuận nhượng bán tài sản và trả đất của người bán; người mua đã nộp thuế trước bạ và lệ phí sử dụng đất. Biên bản có thể hiện nội dung bàn giao đất tạm thời chờ cấp Giấy chứng nhận chính thức*);
4. Thông báo của UBND cấp xã về trước bạ nhượng bán nhà và nhượng bán hoa màu (*nội dung thông báo thể hiện bên bán và bên mua là hợp pháp; UBND cấp xã đồng ý cho phép được mua bán và nộp lệ phí trước bạ*) kèm theo Biên lai thu ngân sách xã;
5. Tờ khai chuyển dịch tài sản nộp lệ phí trước bạ (*Nội dung thể hiện Bên giao tài sản - bất động sản chuyển dịch là UBND cấp huyện; bên nhận tài sản là hộ gia đình, cá nhân có xác nhận của cơ quan thuế*) kèm theo Biên lai thu ngân sách xã và Biên lai thu lệ phí trước bạ.

Chương II

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra, hướng dẫn thực hiện Quy định này.

Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy định này.

Điều 5. Xử lý vướng mắc

Trong quá trình thực hiện Quy định này nếu có phát sinh vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

**Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH****Điều 6. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2024.

Điều 7. Trách nhiệm thi hành

Các ông, bà: Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan, tổ chức, cá nhân tại Điều 2 quy định này căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
 - TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
 - Cục KT văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
 - CT, P1, P3;
 - Như Điều 7 (thực hiện);
 - V0, V1, QH2, QLĐĐ1-3;
 - Lưu: VT, QLĐĐ1;
- 04 bản, QĐ59.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nghiêm Xuân Cường